

THÔNG BÁO

Kết quả điểm thực hành soạn giáo án kỳ xét duyệt hợp đồng lao động vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập

Thực hiện Công văn số 2404/SNV-CCVC ngày 14/11/2018 của Sở Nội vụ Quảng Ninh về việc hướng dẫn ký kết hợp đồng lao động vào làm việc trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục thuộc thị xã Quảng Yên; Quyết định số 2940/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc thành lập Hội đồng xét duyệt hợp đồng lao động vào làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc thị xã, Hội đồng xét duyệt hợp đồng lao động thông báo:

1. Kết quả điểm thực hành soạn giáo án của 55 thí sinh tại Hội đồng xét duyệt hợp đồng lao động (Có danh sách kèm theo).

2. Thời gian nhận **Đơn đề nghị xem lại điểm xếp loại tốt nghiệp** của các thí sinh (nếu có) từ ngày 18/12/2018 đến hết ngày 21/12/2018 (trong giờ hành chính) tại Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên. Hội đồng xét duyệt hợp đồng lao động không giải quyết đối với đơn đề nghị nhận được sau thời hạn quy định nêu trên hoặc đơn đề nghị gửi bằng thư điện tử, Fax, Telex.

Hội đồng xét duyệt hợp đồng lao động vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc thị xã thông báo để các thí sinh được biết.

(Kết quả được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của thị xã Quảng Yên và Phòng Giáo dục Đào tạo thị xã)./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND thị xã (để b/c);
- Các thành viên HĐXD;
- Các thí sinh dự xét duyệt;
- Trang TTĐT thị xã;
- Trang TTĐT PGD&ĐT;
- Lưu: HĐXD.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT HỖ ĐỖ
CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH UBND THỊ XÃ
Đỗ Mạnh Hùng

THÔNG BÁO

Kết quả kiểm tra, đánh giá công tác chấp hành pháp luật của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân trong năm 2018.

Trong năm 2018, Công an tỉnh Quảng Trị đã thực hiện công tác chấp hành pháp luật theo đúng quy định của pháp luật, đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế, bất cập trong công tác chấp hành pháp luật, cần tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác chấp hành pháp luật.

Kết quả kiểm tra, đánh giá công tác chấp hành pháp luật của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân trong năm 2018.

Thời gian nhận báo cáo kết quả chấp hành pháp luật của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân: Từ ngày 18/12/2018 đến hết ngày 21/12/2018 (tính từ ngày 18/12/2018). Báo cáo phải được gửi về Phòng Công tác pháp luật, Công an tỉnh Quảng Trị.

Hội đồng kiểm tra, đánh giá công tác chấp hành pháp luật của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân trong năm 2018.

Kết quả kiểm tra, đánh giá công tác chấp hành pháp luật của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân trong năm 2018.



Nơi nhận:
- Công an tỉnh Quảng Trị
- Công an huyện Quảng Trị
- Công an thị trấn Quảng Trị
- Công an xã Quảng Trị
- Công an phường Quảng Trị

UBND THỊ XÃ QUẢNG YÊN
HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT HDLP

KẾT QUẢ ĐIỂM SÁT HẠCH THỰC HÀNH SOẠN GIÁO ÁN KỲ XÉT DUYỆT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG NĂM HỌC 2018-2019

(Kèm theo Thông báo số 03/TB-HDXD ngày 17/12/2018 của Hội đồng xét duyệt HDLP)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chuyên ngành, chuyên môn				Ngoại ngữ		Tin học	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm TBC học tập toàn khóa hoặc xếp hạng TN	Điểm thực hành soạn giáo án	Tổng số điểm	Ghi chú
				Trình độ	Ngành/ C.Ngành	Hệ đào tạo	Loại TN	Tiếng	Trình độ						
1		Giáo viên mầm non													
1	1	Bùi Thị Tố Ngân	15/10/1991	Trung cấp	Sư phạm mầm non	CQ	TB khá	Anh	B	B	Mầm non Hoa Hồng	67,0		67,0	Bỏ thi
2	2	Nguyễn Thị Thu Hà	24/4/1990	Trung cấp	Sư phạm mầm non	CQ	Khá	Anh	B	B	Mầm non Hoa Hồng	70,0	90	160,0	
3	3	Phạm Thị Thu Hà	16/3/1995	Trung cấp	Sư phạm mầm non	CQ	Khá	Anh	B	B	Mầm non Hoa Hồng	74,0	97	171,0	
4	4	Bùi Huyền Trang	17/4/1996	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	CQ	TB khá	Anh	B	B	Mầm non Hoa Hồng	62,9	94	156,9	Dân tộc Tây
5	5	Nguyễn Thị Hương	23/3/1994	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	CQ	TB khá	Anh	B	B	Mầm non Hiệp Hoà	68,4	92	160,4	2015-2016; 2017-2018 HD tương MN Hà An, TA
6	6	Đinh Thị Hòa	01/5/1995	Trung cấp	Sư phạm mầm non	CQ	TB khá	Anh	B	B	Mầm non Sông Khoai	67,0	96	163,0	
7	7	Đinh Thị Nụ	05/01/1988	Trung cấp	Sư phạm mầm non	CQ	TB khá	Anh	B	B	Mầm non Sông Khoai	68,0	88	156,0	
8	8	Bùi Hải Hằng	01/6/1987	Trung cấp	Sư phạm mầm non	VLVH	Khá	Anh	B	B	Mầm non Sông Khoai	70,0	94	164,0	Còn TB 3/4
9	9	Ngô Thị Thu	08/12/1982	Trung cấp	Sư phạm mầm non	CQ	Khá	Anh	B	B	Mầm non Minh Thành	76,0	90,5	166,5	
10	10	Trần Thị Phương	19/5/1994	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	CQ	TB khá	Anh	B	B	Mầm non Minh Thành	68,0	91	159,0	10/2018-nay: GVHD MN SK
11	11	Bùi Thị Thủy Lân	05/02/1988	Trung cấp	Sư phạm mầm non	CQ	Giỏi	Anh	B	B	Mầm non Tân An	80,0	94,5	174,5	
12	12	Nguyễn Thị Yến	07/11/1995	Trung cấp	Sư phạm mầm non	CQ	Khá	Anh	B	B	Mầm non Tân An	70,0	91	161,0	BV sản nhi QN (trọng trẻ)
13	13	Hoàng Thị Biển	10/6/1993	Trung cấp	Sư phạm mầm non	CQ	Khá	Anh	B	B	Mầm non Tân An	70,0	96	166,0	
14	14	Chiu Nhi Mùi	14/12/1994	Trung cấp	Sư phạm mầm non	CQ	TB khá	Anh	B	B	Mầm non Yên Hải	66,0	87,5	153,5	Dân tộc Dao; HD tại MNQY từ 2018-nay
15	15	Phạm Thị Dịu	20/12/1995	Trung cấp	Sư phạm mầm non	CQ	TB khá	Anh	B	B	Mầm non Cẩm La	65,0	83	148,0	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chuyên ngành, chuyên môn				Ngoại ngữ		Tin học	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm TBC học tập toàn khóa hoặc xếp hạng TN	Điểm thực hành soạn giáo án	Tổng số điểm	Ghi chú
				Trình độ	Ngành/ C.Ngành	Hệ đào tạo	Loại TN	Tiếng	Trình độ						
16	16	Phạm Thị Thu Thủy	25/10/1987	Trung cấp	Sư phạm mầm non	CQ	TB khá	Anh	B	B	Mầm non Cẩm La	68,0	85	153,0	
17	17	Hoàng Thị Thịnh	08/11/1995	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	CQ	TB khá	Anh	B	B	Mầm non Phong Cốc	65,5	85	150,5	9/2018-nay: GVHD trường MNYH
18	18	Nguyễn Thị Thủy	09/01/1989	Trung cấp	Sư phạm mầm non	CQ	TB khá	Anh	B	B	Mầm non Phong Hải	67,0	88	155,0	Con BB
19	19	Bùi Thị Thảo	14/3/1988	Trung cấp	Sư phạm mầm non	CQ	TB khá	Anh	B	B	Mầm non Liên Hòa	69,0	95	164,0	
20	20	Đỗ Thị Giang	06/02/1995	Trung cấp	Sư phạm mầm non	CQ	TB khá	Anh	B	B	Mầm non Tiên Phong	69,0	78	147,0	GV trường MN Sao Mai, Hạ Long
II		Vị trí giáo viên văn hóa tiểu học													
1	21	Đỗ Hồng Thắm	25/7/1989	Cao đẳng	Giáo dục tiểu học	CQ	Khá	Anh	B	B	Tiểu học Hiệp Hòa	73,0	68,5	141,5	HD trường TH Nam Hòa từ 9/2018-nay
2	22	Vũ Thị Hậu	18/8/1988	Cao đẳng	Giáo dục tiểu học	CQ	TB khá	Anh	B	B	Tiểu học Nguyễn Văn Thuần	68,6	61	129,6	HD trường 2012-nay (TH Liên Hòa, Nguyễn Bình, SK1, Liên Vĩ)
3	23	Lê Thanh Huyền	30/11/1996	Cao đẳng	Giáo dục tiểu học	CQ	Khá	Anh	A2	CNT TCB	Tiểu học Tiên An	73,4	66	139,4	HD trường TH Phong Hải 11/2017-nay
III		Vị trí giáo viên tiếng Anh tiểu học													
1	24	Nguyễn Thị Thủy Dương	07/11/1989	Đại học	Ngôn ngữ anh (CCNVSP)	CQ	Khá	Trung	B	B	Tiểu học Hiệp Hòa	73,7	70	143,7	HD TH Sông Khoai 2 năm học 2017-2018
IV		Vị trí giáo viên tiếng Anh THCS													
1	25	Đàm Thị Đào	15/10/1984	Đại học	Tiếng Anh sư phạm	TC	TB khá	Trung	B	CNT TCB	THCS Phong Hải	69,5	60	129,5	GVHD thỉnh giảng Tiếng Anh C1; TTGDNN-GDTXQY từ 9/2009-nay; trợ giảng cho GV người nước ngoài tại TH Hiệp Hòa từ 9/2018-nay
2	26	Ngô Thị Loan	04/01/1989	Cao đẳng	Tiếng Anh (CCNVSP)	CQ	TB khá	Nga	B	B	THCS Liên Vĩ	63,5	88	151,5	Tiếng Anh B2 châu Âu; Dạy Phonic TH Nam Hòa 9/2013-nay

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chuyên ngành, chuyên môn			Ngoại ngữ		Tin học	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm TBC học tập toàn khóa hoặc xếp hạng TN	Điểm thực hành soạn giáo án	Tổng số điểm	Ghi chú
				Trình độ	Ngành/ C.Ngành	Hệ đào tạo	Loại TN	Trình độ						
V		Vị trí giáo viên dạy Toán THCS												
1	27	Nguyễn Thị Thu Huyền	09/4/1995	Cao đẳng	Sư phạm Toán - Lý	CQ	Khá	Anh	B	B	72,6	68	140,6	GVHD trường THCS Hoàng Tân
2	28	Lê Thị Thùy Thương	25/11/1992	Cao đẳng	Sư phạm Toán - Lý	CQ	TB khá	Anh	B	B	67,2	74	141,2	Dạy toán tại TT toàn cầu QY từ 2014-nay
3	29	Lê Thị Hồng Nhung	21/10/1993	Cao đẳng	Sư phạm Toán - Tin	CQ	Khá	Anh	B	CD	77,4	64	141,4	2014-2016: GV THCS Mỹ Đình II, Hà Nội
4	30	Dương Thị Hiền	12/9/1995	Cao đẳng	Sư phạm Toán - Tin	CQ	TB khá	Anh	B	CD	68,2	72	140,2	
5	31	Lưu Trà My	07/11/1994	Đại học	Sư phạm Toán	VL VH	Khá	Anh	B	B	78,2		78,2	Bỏ thi
6	32	Đinh Thị Hoa	13/3/1993	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	Khá	Anh	C	CNT TCB	74,2	66	140,2	GVHD thỉnh giảng TTGDNN-GDTX QY 8/2015-nay
7	33	Nguyễn Thị Linh	03/8/1996	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	Giỏi	Anh	B1	IC3	83,8	71	154,8	GVHD thỉnh giảng TTGDNN-GDTX QY 5/2018-nay
8	34	Vũ Huyền Anh	11/4/1997	Cao đẳng	Sư phạm Toán - Tin	CQ	TB khá	Anh	B	CD	65,2	66	131,2	
VI		Vị trí giáo viên dạy Địa lý THCS												
I	35	Đậu Thị Hiền	23/12/1984	Đại học	Sư phạm Địa lý	CQ	Khá	Anh	B	CNT TCB	74,4	83	157,4	GV thỉnh giảng TTGDNN-GDTX QY
VII		Vị trí giáo viên dạy Sinh-Hóa												
1	36	Lê Thị Lan Anh	22/01/1996	Cao đẳng	Sư phạm Hóa - Sinh	CQ	Khá	Anh	B	B	78,1	81,5	159,6	01/2018-nay: GVHD THCS THD
2	37	Ngô Thị Huyền Trang	15/02/1992	Cao đẳng	Sư phạm Sinh - Hóa	CQ	Khá	Anh	B	IC3	71,2	76	147,2	9/2018-nay: GVHD THCS Liên Hòa
3	38	Bùi Thị Huyền	16/02/1996	Cao đẳng	Sư phạm Hóa - Sinh	CQ	Khá	Anh	B	B	74,8	72	146,8	11/2018-nay: GVHD THCS SK

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chuyên ngành, chuyên môn				Ngoại ngữ		Tin học	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm TBC học tập toàn khóa hoặc xếp hạng TN	Điểm thực hành soạn giáo án	Tổng số điểm	Ghi chú
VIII		Vị trí giáo viên dạy Hóa-KTNN		Trình độ	Ngành/ C.Ngành	Hệ đào tạo	Loại TN	Tiếng	Trình độ						
1	39	Bùi Thị Huệ	30/6/1992	Cao đẳng	Sư phạm Hóa-KTNN	CQ	TB khá	Anh	B	B	THCS Hiệp Hòa	66,5	72	138,5	
IX		Vị trí giáo viên dạy Sinh													
1	40	Nguyễn Thùy Linh	22/3/1989	Đại học	Sinh học (CCNVSP)	CQ	Khá	Anh	C	CNT TCB	THCS Phong Cốc	70,0	82	152,0	GVHD TTGDNN-GDTH QY từ 9/2014
2	41	Vũ Thị Vân	09/01/1996	Đại học	Sư phạm Sinh học	CQ	Giỏi	Anh	B1	IC3	THCS Phong Cốc	80,9	88	168,9	
3	42	Nguyễn Thị Trang	29/6/1987	Cao đẳng	Sư phạm Hóa -Sinh	CQ	Khá	Anh	B	B	THCS Phong Cốc	70,4	64,5	134,9	Con TB 4/4
X		Vị trí giáo viên dạy Văn-Địa													
1	43	Lê Thị Báu	25/6/1989	Cao đẳng	Sư phạm Văn - Địa	CQ	TB khá	Anh	C	B	THCS Tiên An	69,6	51	120,6	9/2012-5-2013 GVHD THCS Phong Hải
XI		Vị trí giáo viên dạy Văn-Sử													
1	44	Vũ Thị Chính	22/02/1989	Đại học	Sư phạm Văn - Sử	CQ	Giỏi	Anh	B	B	THCS Hoàng Tân	82,4	72	154,4	2013-2014 GVHD THCS Liên Hòa
XII		Vị trí giáo viên dạy Văn-GDCD													
1	45	Đinh Thị Phụng	21/3/1996	Cao đẳng	Sư phạm Văn-GDCD	CQ	Khá	Anh	B	B	THCS Đông Mai	73,0	59	132,0	9/2018-nay: GVHDTHCS Liên Hòa
2	46	Nguyễn Thị Loan	11/01/1992	Cao đẳng	Sư phạm Văn-GDCD	CQ	Khá	Anh	B	B	THCS Đông Mai	76,0	50	126,0	
XIII		Vị trí giáo viên dạy Ngữ văn													
1	47	Bùi Thị Loan	07/12/1989	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	CQ	Khá	Anh	B	B	THCS Hiệp Hòa	74,9	62	136,9	GVHD TTGDNN-GDTH QY từ 2012-nay
2	48	Dương Thị Mùng	18/02/1990	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	CQ	Khá	Anh	C	B	THCS Hiệp Hòa	74,9	55	129,9	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chuyên ngành, chuyên môn			Ngoại ngữ		Tin học	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm TBC học tập toàn khóa hoặc xếp hạng TN	Điểm thực hành soạn giáo án	Tổng số điểm	Ghi chú	
				Trình độ	Ngành/ C.Ngành	Hệ đào tạo	Loại TN	Trình độ							
3	49	Nguyễn Thị Ánh Hồng	03/12/1993	Cao đẳng	Sư phạm Văn-GDCD	CQ	Khá	Anh	B	B	THCS Hiệp Hòa	72,4	61	133,4	
4	50	Phạm Thị Trang	02/12/1990	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	CQ	Khá	Anh	B	B	THCS Sông Khoai	72,3	66	138,3	2014-2018 GVTHPT Trần Quốc Tuấn
5	51	Đinh Thị Thu Hương	11/8/1991	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	CQ	Khá	Anh	B	CNT TCB	THCS Sông Khoai	74,4	55	129,4	8/2015-nay GVHDTGDNN-GDTX QY
6	52	Vũ Thị Hiền	06/4/1996	Cao đẳng	Sư phạm Văn - Địa	CQ	Khá	Anh	B	B	THCS Minh Thành	73,8	72	145,8	9/2018-nay GVHD THCS Hoàng Tân
7	53	Bùi Thanh Huyền	04/6/1989	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	CQ	Khá	Anh	A	CNT TCB	THCS Hà An	72,5	59	131,5	2011-nay: GVTTGDNN-GDIX QY
8	54	Vũ Thị Quyên	20/6/1994	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	CQ	Giỏi	Anh	A2	CNT TCB	THCS Hà An	77,1	62	139,1	Con TB 4/4
9	55	Phạm Thị Thuý	21/8/1989	Đại học	Văn học (CCNVSP)	CQ	Khá	Anh	B	B	THCS Hà An	71,3	65	136,3	
10	56	Bùi Thị Thanh Hương	26/11/1986	Đại học	Ngữ văn (CCNVSP)	CQ	TB khá	Anh	B	CNT TCB	THCS Hà An	65,7	50	115,7	2010-2016: GV TTHN&GDIX Cô Tô
11	57	Vũ Thị Hoa	15/6/1990	Đại học	Văn học (CCNVSP)	CQ	Khá	Anh	B	B	THCS Liên Vị	75,0	64	139,0	2015-2017: GV THCS Phương Đông, UB

PM. HĐ XÉT DUYỆT HĐLĐ
CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH UBND THỊ XÃ
Đỗ Mạnh Hùng

